

BÀI 5: THỰC HÀNH: QUAN SÁT TẾ BÀO VÀ MÔ

I. Mục tiêu bài học

1. Chuẩn bị được các tiêu bản tạm thời tế bào mô cơ vân
2. Quan sát và vẽ các tế bào trong các tiêu bản đã làm sẵn (nếu không có tiêu bản thì quan sát hình ảnh): mô biểu bì, mô sụn, mô xương, mô cơ vân, mô cơ trơn. Phân biệt các bộ phận chính của tế bào gồm màng sinh chất, chất tế bào và nhân.
3. Phân biệt được những điểm khác nhau của mô biểu bì, mô cơ, mô liên kết

II. Phương tiện dạy học:

- 1 kính hiển vi
- 2 lam kính và lamén
- 1 dao mổ
- 1 kim nhọn
- 1 kim mũi mác
- 1 khăn lau, giấy thấm
- 1 con ếch hoặc một miếng thịt lợn nạc
- 1 lọ dung dịch sinh lý 0,65% NaCl, có ống hút
- 1 lọ axit axêtic 1%, có ống hút

Thực hành nội dung 1:

Bước 1: Rạch da đùi ếch, lấy bắp cơ đùi (hoặc miếng thịt lợn còn tươi) đặt lên lam kính

Bước 2: Dùng kim mũi nhọn rạch bao cơ theo chiều dọc bắp cơ, dùng ngón cái và ngón trỏ đặt hai bên mép rạch, ấn nhẹ, lúc này nhìn thấy các tế bào cơ

Bước 3 :Dùng kim mũi mác gạt nhẹ cho các tế bào cơ tách khỏi bắp cơ làm dính vào bản kính

Bước 4: Bỏ bắp cơ ra, nhỏ vài giọt dung dịch sinh lý 0,65 % NaCl, đậy lamén, quan sát dưới kính hiển vi

Những lưu ý và yêu cầu khi làm tiêu bản để quan sát

1. Lưu ý:

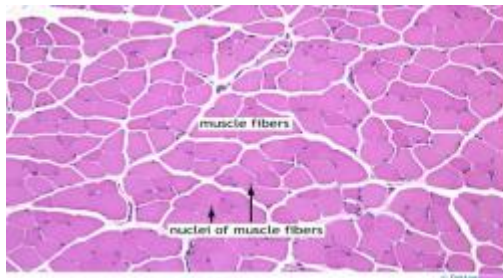
- + Muốn quan sát thấy nhân thì nhỏ thêm giọt axit axêtic 1%
- + Đậy lam men sao cho không có bọt khí
- + Điều chỉnh kính hiển vi từ vật kính nhỏ đến vật kính lớn

2. Yêu cầu:

- + Quan sát các phần của tế bào như: màng, chất tế bào, vân ngang, nhân.
- + Hoàn thành tiêu bản trong thời gian 15 phút

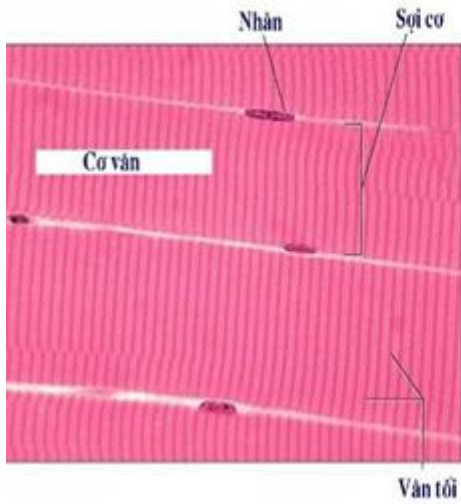
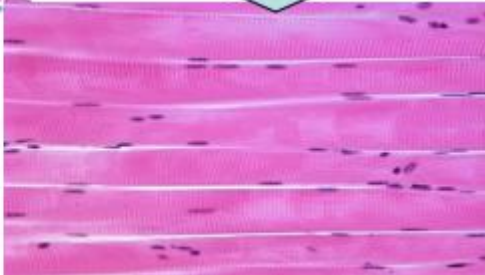
Thực hành nội dung 2

Lần lượt quan sát tiêu bản (hình ảnh) các loại mô khác

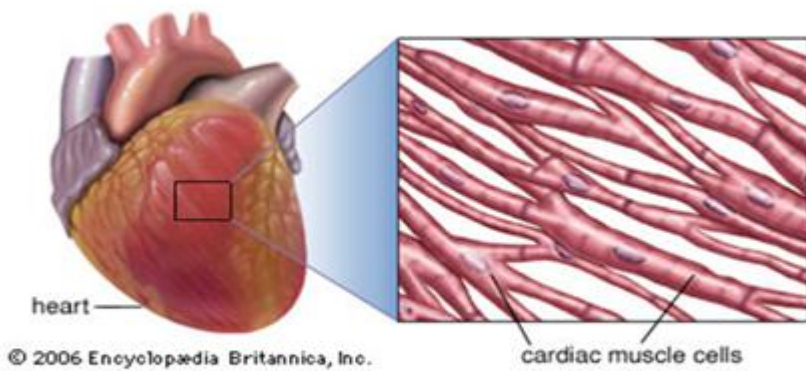


**cơ vân
cắt dọc**

Cơ vân cắt ngang

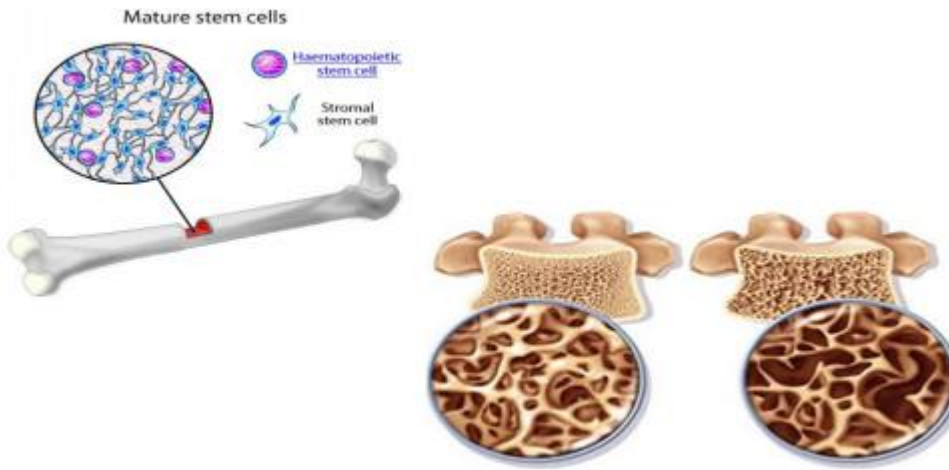
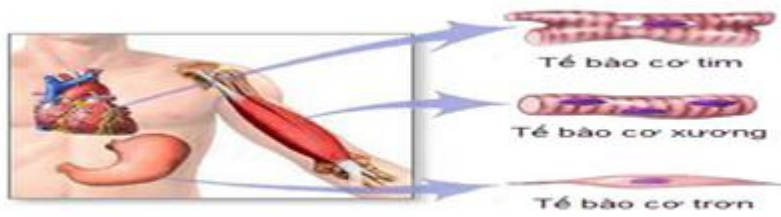


Ảnh 18: Cơ vân (H.E x 250)
1. Sợi cơ cắt dọc; 2. Sợi cơ cắt ngang; 3. Vân ngang.

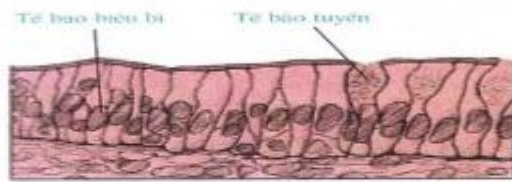


© 2006 Encyclopædia Britannica, Inc.

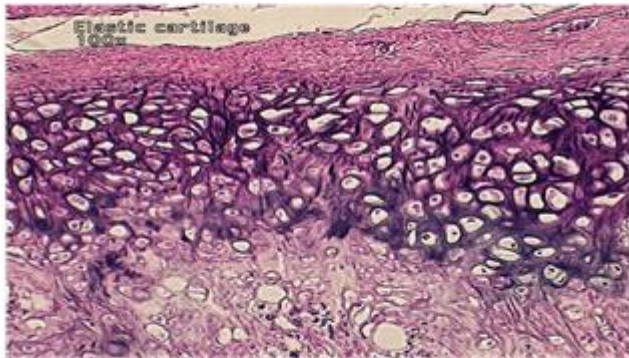
Mô cơ tim



Mô xương



Mô biểu bì ở dạ dày



Mô sụn

IV. Thu hoạch

Hãy tóm tắt phương pháp làm tiêu bản mô cơ vân

Vẽ hình, ghi chú thích đầy đủ các loại mô đã quan sát

ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KỲ SINH 8

THỜI GIAN : 45'

Câu 1: Ở trẻ em, tử đỏ là nơi sản sinh

- A. tiểu cầu.
- B. hồng cầu.
- C. bạch cầu limphô.
- D. đại thực bào.

Câu 2: Để chống vẹo cột sống, cần phải làm gì ?

- A. Khi ngồi phải ngay ngắn, không nghiêng vẹo.
- B. Mang vác về một bên liên tục.
- C. Mang vác quá sức chịu đựng của cơ thể.
- D. Cả A, B và c.

Câu 3: Máu bao gồm

- A. Hồng cầu và tiểu cầu.
- B. Huyết tương và các tế bào máu
- C. Bạch cầu và hồng cầu.
- D. Hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu.

Câu 4: Trong máu, huyết tương chiếm tỉ lệ bao nhiêu về thể tích ?

- A. 75%
- B. 60%
- C. 45%
- D. 55%

Câu 5: Vai trò của hồng cầu là?

- A. Vận chuyển chất dinh dưỡng đi nuôi cơ thể
- B. Vận chuyển O₂ và CO₂
- C. Vận chuyển các chất thải
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 6: Khi hồng cầu kết hợp với chất khí nào thì máu sẽ có màu đỏ tươi ?

- A. N₂
- B. CO₂
- C. O₂
- D. CO

Câu 7: Khả năng vận chuyển khí của hồng cầu có được là nhờ loại sắc tố nào ?

- A. Hêmôerythrin
- B. Hêmôxianin
- C. Hêmôglôbin

D. Miôglôbin

Câu 8: Môi trường trong cơ thể có vai trò chính là ?

- A. Giúp tế bào thường xuyên trao đổi chất với môi trường ngoài.
- B. Giúp tế bào có hình dạng ổn định
- C. Giúp tế bào không bị xâm nhập bởi các tác nhân gây hại
- D. Sinh tổng hợp các chất cần thiết cho tế bào

Câu 9: Chúng ta sẽ bị mất nhiều nước trong trường hợp nào sau đây ?

- A. Tiêu chảy
- B. Lao động nặng
- C. Sốt cao
- D. Tất cả các phương án còn lại

Câu 10: Bạch cầu được phân chia thành mấy loại chính ?

- A. 3 loại
- B. 4 loại
- C. 5 loại
- D. 6 loại

Câu 11: Các bạch cầu tham gia bảo vệ cơ thể bằng các cơ chế:

- A. Thực bào.
- B. Tiết kháng thể để vô hiệu hoá kháng nguyên,
- C. Phá huỷ các tế bào đã bị nhiễm virus, vi khuẩn.
- D. Cả A, B và C đúng.

Câu 12: Loại bạch cầu nào dưới đây tham gia vào hoạt động thực bào ?

- A. Bạch cầu trung tính
- B. Bạch cầu limphô

C. Bạch cầu ưa kiềm

D. Bạch cầu ưa axit

Câu 13: Trong cơ thể người, loại tế bào nào dưới đây có khả năng tiết kháng thể ?

A. Bạch cầu mônô

B. Bạch cầu limphô B

C. Bạch cầu limphô T

D. Bạch cầu ưa axit

Câu 14: Khi chúng ta bị ong chích thì nọc độc của ong được xem là

A. chất kháng sinh.

B. kháng thể.

C. kháng nguyên.

D. prôtêin độc.

Câu 15: Khả năng người nào đã từng một lần bị bệnh nhiễm bệnh nào đó, sau đó không mắc lại bệnh đó nữa được gọi là

A. Miễn dịch bẩm sinh.

B. Miễn dịch chủ động

C. Miễn dịch tập nhiễm.

D. Miễn dịch bị động.

Câu 16: Khi được tiêm phòng vacxin thủy đậu, chúng ta sẽ không bị mắc căn bệnh này trong tương lai. Đây là dạng miễn dịch nào ?

A. Miễn dịch tự nhiên

B. Miễn dịch nhân tạo

C. Miễn dịch tập nhiễm

D. Miễn dịch bẩm sinh

Câu 17: Khi mạch máu bị nứt vỡ, loại ion khoáng nào dưới đây sẽ tham gia tích cực vào cơ chế hình thành khối máu đông ?

- A. Cl⁻
- B. Ca²⁺
- C. Na⁺
- D. Ba²⁺

Câu 18: Loại tế bào máu nào đóng vai trò chủ chốt trong quá trình đông máu ?

- A. Hồng cầu
- B. Bạch cầu
- C. Tiểu cầu
- D. Tất cả các phương án còn lại

Câu 19: Sự đông máu có ý nghĩa gì đối với cơ thể?

- A. Giúp cơ thể tự bảo vệ chống mất nhiều máu khi bị thương.
- B. Giúp cơ thể giảm thân nhiệt
- C. Giúp cơ thể tiêu diệt nhanh các loại vi khuẩn.
- D. Giúp cơ thể không mất nước.

Câu 20: Nhóm máu nào dưới đây không tồn tại cả hai loại kháng nguyên A và B trên hồng cầu ?

- A. Nhóm máu O
- B. Nhóm máu A
- C. Nhóm máu B
- D. Nhóm máu AB

Câu 21: Vòng tuần hoàn nhỏ đi qua cơ quan nào dưới đây?

- A. Dạ dày
- B. Gan
- C. Phổi
- D. Não

Câu 22: Ở người bình thường, trung bình mỗi chu kì thì tim nghỉ ngơi hoàn toàn trong bao lâu ?

A. 0,3 giây

B. 0,4 giây

C. 0,5 giây

D. 0,1 giây

Câu 23: Ở người bình thường, trung bình mỗi phút tim đập bao nhiêu lần ?

A. 85 lần

B. 75 lần

C. 60 lần

D. 90 lần